

**GIẢI TRÌNH CHỆNH LỆCH SỐ LIỆU TÀI CHÍNH NĂM 2014
TRƯỚC VÀ SAU BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM
Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước

- Căn cứ theo Điều 11, khoản 1.6 thông tư số: 52/2012/TT-BTC ngày 5 tháng 4 năm 2012 "Khi có giải trình liên quan đến các số liệu tài chính do công ty phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật khác với số liệu tài chính tại Báo cáo tài chính được kiểm toán".
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2014 do công ty CASUMINA lập và báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán.
- Công Ty CASUMINA xin giải trình chênh lệch số liệu báo cáo tài chính năm 2014 trước kiểm toán (đã được Công ty công bố) với số liệu sau kiểm toán (do kiểm toán viên đề nghị điều chỉnh) như sau:

1 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

ĐVT: VNĐ

	Mã số	Số liệu năm 2014 Công ty lập	Báo cáo kiểm toán Năm 2014	Chênh lệch
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	24.670.733.636	25.062.471.328	391.737.692
Chi phí phải trả	316	51.344.945.057	53.244.945.057	1.900.000.000
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	56.975.000.000	55.075.000.000	(1.900.000.000)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	475.980.694.984	475.588.957.292	(391.737.692)
Tổng nguồn vốn	440	3.430.597.604.085	3.430.597.604.085	

- a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước và Lợi nhuận sau thuế lệch do Công ty trích thiếu phần thuế thu nhập hoãn lại của năm 2013.
- b) Chi phí phải trả lệch do Công ty trích thiếu phần lãi vay của dự án Radial.
- c) Quỹ khoa học và công nghệ lệch do Công ty trích dư.

2 KẾT QUẢ KINH DOANH

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu năm 2014 Công ty lập	Báo cáo kiểm toán Năm 2014	Chênh lệch
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	73.353.277.499	75.253.277.499	1.900.000.000
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23	53.921.680.180	55.821.680.180	1.900.000.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	221.376.505.455	219.476.505.455	(1.900.000.000)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	94.426.161.612	94.817.899.304	391.737.692
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	331.356.021.549	330.964.283.857	(391.737.692)

- a) Chi phí lãi vay lệch 1.9 tỷ do Công ty trích thiếu chi phí lãi vay của dự án Radial
- b) Chi phí quản lý doanh nghiệp lệch 1.9 tỷ do Công ty trích dư quỹ KHCN
- c) Chi phí thuế thu nhập hiện hành lệch do Công ty trích thiếu phần thuế thu nhập hoãn lại của năm 2013

3 LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

ĐVT: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu năm 2014 Công ty lập	Báo cáo kiểm toán Năm 2014	Chênh lệch
1. Lợi nhuận trước thuế	01	425.555.824.966	425.555.824.966	-
2. Điều chỉnh cho các khoản				-
- Khấu hao TSCĐ	02	138.738.862.631	138.738.862.631	-
- Các khoản dự phòng	03	1.975.034.001	1.975.034.001	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(722.613.288)	(722.613.288)	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(28.661.031.883)	(28.661.031.883)	-
- Chi phí lãi vay	06	53.921.680.180	55.821.680.180	(1.900.000.000)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	590.807.756.607	592.707.756.607	(1.900.000.000)

- Tăng giảm các khoản phải thu	09	41.336.478.110	41.336.478.110	-
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(178.773.604.447)	(178.773.604.447)	-
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	107.300.146.978	105.400.146.978	1.900.000.000
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(1.482.420.975)	(1.482.420.975)	-
- Tiền lãi vay đã trả	13	(45.301.486.584)	(45.301.486.584)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(108.165.015.757)	(108.165.015.757)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	19.724.095.430	19.724.095.430	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(19.244.616.094)	(19.244.616.094)	-
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	406.201.333.268	406.201.333.268	-
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(501.172.281.964)	(501.172.281.964)	-
2. Tiền thu để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	727.497.059	727.497.059	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (số dư được kết chuyển từ tài khoản 222)	25	(7.570.000.000)	(7.570.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3.507.069.504	3.507.069.504	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia, lãi đầu tư chứng khoán	27	16.288.829.712	16.288.829.712	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(488.218.885.689)	(488.218.885.689)	-
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.015.941.202.936	2.015.941.202.936	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.769.824.185.067)	(1.769.824.185.067)	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(4.209.172.966)	(4.209.172.966)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(154.771.600.000)	(154.771.600.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	87.136.244.903	87.136.244.903	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20 + 30 + 40)	50	5.118.692.482	5.118.692.482	-
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	35.295.375.818	35.295.375.818	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50 + 60 + 61)	70	40.414.068.300	40.414.068.300	-



Khoản chi phí lãi vay (06) và tăng giảm các khoản phải trả (11) do sự thay đổi của chi phí lãi vay và quỹ khoa học công nghệ.

- Trên đây là những giải trình của Công ty về sự chênh lệch số liệu báo cáo tài chính trước và sau báo cáo kiểm toán.
- Công ty xin trân trọng báo cáo cho Ủy Ban Chứng Khoán và Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM cũng như toàn thể Quý cổ đông của Công ty.

Trân trọng cảm ơn!



Đỗ Khắc Thanh

CÔNG TY KIỂM TOÁN AASCS

Kiểm Toán Viên

Dương Nguyễn Thúy Mai

Dương Nguyễn Thúy Mai



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Hồng Phú